

Bản án số: 44/2026/HSST
Ngày 10-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Hoàng Thị Ty.

- T ký phiên tòa: Ông Tông Văn Cách - T ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 – Sơn La tham gia phiên tòa:
Bà Bạc Thị Thoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Lò Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 27/10/1993 tại xã ML, tỉnh DB; nơi cư trú: Bản P, xã ML, tỉnh DB; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn X, sinh năm 1967 và bà Lường Thị P, sinh năm 1969; bị cáo có vợ Lò Thị N, sinh năm 1995 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29 tháng 8 năm 2025 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 00 phút ngày 29/8/2025, Tổ công tác Công an xã MB, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại khu vực bản C, xã MB, tỉnh Sơn La, phát hiện bắt quả tang Lò Văn T có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) gói nilon màu xanh bên trong có chứa bột cục màu trắng nghi là Heroine; 01 (một) túi nilon màu hồng bên trong có chứa 50 (năm mươi) viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp (Theo Lò Văn T khai là Heroine và ma túy tổng hợp) và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng cũ, điện thoại có lắp sim số thuê bao 0336987032 thu giữ của Lò Văn T.

Hồi 07 giờ 00 phút, ngày 30/8/2025 tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại vật chứng đối với toàn bộ chất bột cục màu trắng nghi là Heroine có trong gói nilon màu xanh thu giữ của Lò Văn T được khối lượng 3,79 gam (Ba phẩy bảy mươi chín gam). Rút toàn bộ 3,79 gam chất bột cục màu trắng trên ký hiệu T1 gửi giám định. Tiến hành cân tiếp toàn bộ 50 (Năm mươi) viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp có trong túi nilon màu hồng thu giữ của Lò Văn T được khối lượng 4,67 gam (Bốn phẩy sáu mươi bảy gam). Rút toàn bộ 50 viên nén màu hồng có khối lượng 4,67 gam trên ký hiệu T2 gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 1073/KL-KTHS ngày 03/9/2025 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, Loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là Diacetylmorphine được quy định tại Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 3,79 gam; Mẫu ký hiệu T2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 4,67gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ của Lò Văn T là 8,46 gam (Tám phẩy bốn mươi sáu gam) chất ma túy (trong đó gồm 3,79 gam chất ma túy, loại Heroine và 4,67 gam chất ma túy, loại Methamphetamine).

Hoàn lại đối tượng giám định: Chất cục bột màu trắng, ký hiệu T1 có khối lượng 3,70 gam, các viên nén màu hồng và các mảnh viên nén màu hồng ký hiệu T2 có khối lượng 4,53 gam và vỏ phong bì niêm phong mẫu giám định đã bóc mở.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 29/8/2025, Lò Văn T gọi điện thoại cho một người đàn ông tên G có số thuê bao 0367089181 (T không biết họ của G) nhà ở bản NU, xã MB, tỉnh Sơn La hỏi mua ma túy của G với số tiền 1.000.000 đồng về sử dụng, G đồng ý. Sau đó, T đi bộ một mình từ nhà ở Bản P, xã ML, tỉnh DB lên nhà G mua ma túy. Khi đi đến nhà G, T gặp G đang ở nhà một mình, T đưa cho G số tiền 1.000.000 đồng, G cầm tiền và bảo T ngồi đợi ở gian phòng khách, còn G đi vào buồng ngủ. Khoảng 10 phút sau G đi ra đưa cho T 01 (Một) gói nilon màu xanh bên trong có chứa Heroine và 01 (Một) túi nilon màu hồng bên trong có chứa 51 (Năm mươi một) viên ma túy tổng hợp. Sau đó G đi vào gian buồng ngủ còn T cầm số ma túy vừa mua được san ra một ít Heroine và 01 (Một) viên ma túy tổng hợp sử dụng một mình hết bằng hình thức đốt hít tại gian phòng khách nhà G. Sau khi sử dụng xong số Heroine còn lại T gói lại bằng nilon màu xanh, còn 50 (Năm mươi) viên ma túy tổng hợp T vẫn để trong túi nilon màu hồng rồi cầm ở tay trái đi về nhà. Khi Lò Văn T đi được khoảng 100 mét thuộc khu vực bản NU, xã MB, tỉnh Sơn La thì bị tổ công tác Công an xã MB, tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại bản Cáo trạng số: 48/CT-VKS-KV2 ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lò Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù đến 06 (sáu) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh nilon màu xanh; 01 túi nilon màu hồng; Chất cục bột màu trắng, ký hiệu T1 có khối lượng 3,70 gam, các viên nén màu hồng và các mảnh viên nén màu hồng ký hiệu T2 có khối lượng 4,53 gam.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng đã qua sử dụng cũ, bên trong điện thoại chứa 01 thẻ sim vật lý số thuê bao: 0336987032 tạm giữ của Lò Văn T.

Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo Lò Văn T.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi,

quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội: Ngày 29/8/2025 bị cáo Lò Văn T đã có hành vi cất giữ trái phép tổng khối lượng là 8,46 gam (Tám phẩy bốn mươi sáu gam) chất ma túy (trong đó gồm 3,79 gam chất ma túy, loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là Diacetylmorphine và 4,67 gam chất ma túy, loại Methamphetamine) trong người với mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang tại khu vực bản NU, xã MB, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với kết quả điều tra, phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 29/8/2025; Biên bản niêm phong vật chứng; Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại; Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định; Kết luận giám định số: 1073/KL-KTHS ngày 03/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La; lời khai của người chứng kiến cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận hành vi cất giữ trái phép tổng khối lượng là 8,46 gam (Tám phẩy bốn mươi sáu gam) chất ma túy (trong đó gồm 3,79 gam chất ma túy, loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là Diacetylmorphine và 4,67 gam chất ma túy, loại Methamphetamine) trong người với mục đích để sử dụng của bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân cũng như khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Bị cáo Lò Văn T không có tài sản, không có đủ điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án: Đối với 01 mảnh nilon màu xanh; 01 túi nilon màu hồng; Chất cục bột màu trắng, ký hiệu T1 có khối lượng 3,70 gam, các viên nén màu hồng và các mảnh viên nén màu hồng ký hiệu T2 có khối lượng 4,53 gam là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, vật nhà nước cầm tàng trữ, cầm lưu hành và là vật không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng đã qua sử dụng cũ, bên trong điện thoại chứa 01 thẻ sim vật lý số thuê bao: 0336987032 tạm giữ của Lò Văn T là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với số ma túy bị thu giữ, bị cáo Lò Văn T khai là mua của đối tượng tên là G tại bản NU, xã MB, tỉnh Sơn La vào ngày 29/8/2025. Quá trình điều tra, thu thập có duy nhất một người tên là Thảo A G, sinh năm 1973. Tuy nhiên cơ quan điều tra đã nhiều lần xác minh, triệu tập nhưng G đều vắng mặt tại nơi cư trú, không xác định được đang ở đâu nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với Thảo A G và tách hành vi của G ra để tiếp tục điều tra, xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Văn T. Quá trình điều tra xác định bị cáo Lò Văn T không thuộc trường hợp xem xét xử lý trách nhiệm hình sự về tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự, nhưng đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, lượng ma túy mà bị cáo đã sử dụng nằm trong số ma túy mà bị cáo mua về cất giữ sử dụng đã bị thu giữ xử lý hình sự. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Lò Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có ý kiến xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[10] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề liên quan khác là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 29/8/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 mảnh nilon màu xanh; 01 túi nilon màu hồng được đựng trong phong bì T; Chất cục bột màu trắng, ký hiệu T1 có khối lượng 3,70 gam, các viên nén màu hồng và các mảnh viên nén màu hồng ký hiệu T2 có khối lượng 4,53 gam được đựng trong phong bì T.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng đã qua sử dụng cũ, bên trong điện thoại chứa 01 thẻ sim vật lý số thuê bao: 0336987032 tạm giữ của Lò Văn T.

(Mô tả chi tiết theo Quyết định chuyển vật chứng số 41/QĐ-VKS-KV2, ngày 09/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/01/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Sơn La).

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho cáo Lò Văn T.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (02 bản);
- Phòng THADS khu vực 2 – Sơn La;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tiến Dũng